

Số: 121/QĐ-THPTBYT

Yên Thành, ngày 14 tháng 10 năm 2021

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Mục đích.

Kế hoạch đảm bảo chất lượng giúp Hiệu trưởng nhà trường tổ chức huy động các nguồn lực (*nhân lực, tài lực, vật lực,..vv*) để thực hiện một cách có hệ thống các nhiệm vụ trong năm học, với mục tiêu, cách thức, trình tự, thời gian tiến hành nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục bền vững và tăng trưởng, góp phần xây dựng văn hóa chất lượng của nhà trường.

2. Yêu cầu

- Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, đồng thuận, thân thiện; phát huy hiệu quả năng lực trách nhiệm của đội ngũ CB,GV,NV; phối hợp các lực lượng giáo dục trên địa bàn; khai thác tối đa CSVN, trang thiết bị dạy học, giáo dục; bổ sung các nguồn lực đầu tư để ĐBCL bền vững và tăng trưởng.

- Kế hoạch thực hiện đảm bảo hiệu quả, thiết thực phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương.

- Xác định rõ trách nhiệm, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch; đảm bảo đầy đủ nguồn lực để thực hiện Kế hoạch đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả và khả thi.

3. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 Hội nghị Trung ương 8 Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

- Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 19/11/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”;

- Kế hoạch số 1722/KH-SGD&ĐT ngày 27/8/2021 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện công tác Đảm bảo chất lượng trong các cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Nghệ An;

- Công văn số 1887/SGD&ĐT-KTKĐCLGD ngày 16/9/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện công tác đảm bảo chất lượng trong các cơ sở giáo dục phổ thông;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Yên Thành lần thứ XXVII, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Nghị quyết Đại hội Chi bộ trường THPT Bắc Yên Thành lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Kế hoạch chiến lược phát triển trường THPT Bắc Yên Thành giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030.

II. ĐẢM BẢO CÁC YẾU TỐ BỐI CẢNH

2.1. Phối hợp chặt chẽ với lãnh đạo chính quyền các cấp

Để thông báo, tuyên truyền, phổ biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, phong tục tập quán, xu hướng phát triển nghề nghiệp của địa phương và trong cả nước nhằm hình thành phẩm chất, năng lực học sinh, thông qua:

- Hoạt động giáo dục của địa phương;
- Hoạt động trải nghiệm ở địa phương;
- Thực hiện lồng ghép ở các môn học như: Lịch sử, Địa lý, Ngữ văn, KNS,...
- Chào cờ, sinh hoạt đầu tuần;
- Các phương tiện truyền thông, thông tin.

Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình, xã hội để xây dựng môi trường học tập an toàn, lành mạnh, thân thiện.

2.2. Xây dựng chương trình giáo dục và các quy định, quy chế nhà trường

Xây dựng chương trình GD nhà trường phù hợp với bối cảnh địa phương, bảo đảm tính dân chủ, sự phù hợp và hiệu quả. Hiệu trưởng ban hành Kế hoạch chương trình GD năm học 2021-2022 (Kế hoạch số 90/KH-THPTBYT ngày 28/8/2021 về Kế hoạch chương trình GD năm học 2021-2022 được thay đổi bởi Kế hoạch số 109/KH-THPTBYT ngày 30/9/2021 theo yêu cầu của Công văn 4040/BGDĐT-GDTrH ngày 16/9/2021).

Xây dựng hệ thống nội quy, quy chế của nhà trường, quy chế thực hiện dân chủ cơ sở và việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân, của người dạy và người học, đó là:

- Quy chế thực hiện dân chủ trong nhà trường.
- Quy chế làm việc của nhà trường.
- Quy chế chuyên môn nhà trường.
- Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công.

....

2.3. Xây dựng văn hóa nhà trường

Xây dựng môi trường làm việc, học tập theo hướng thân thiện, gần gũi, hiệu quả, đổi mới phân cấp mạnh mẽ, đồng thời gắn với việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao cho tổ chuyên môn, cho GV trong việc ĐBCL dạy học một cách phù hợp. Xây dựng phong trào thầy và trò tích cực thi đua “Dạy tốt và Học tốt” trong nhà trường một cách thiết thực, hiệu quả. Phấn đấu xây dựng văn hóa chất lượng trong nhà trường.

Xây dựng văn hóa nhà trường nhằm tạo nên một môi trường văn hóa lành mạnh, an toàn góp phần xây dựng một môi trường giáo dục chuẩn mực theo quy định, bao gồm:

- Ban hành Quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường kèm theo Quyết định số 30/QĐ-THPTBYT ngày 22/11/2018 của hiệu trưởng trường THPT Bắc Yên Thành.

- Tổ chức xây dựng, tuyên dương và nhân rộng các tấm gương, mô hình tiên tiến; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm nội quy, quy tắc ứng xử văn hóa của nhà trường để định hướng, điều chỉnh quá trình xây dựng và phát triển mô hình văn hóa của nhà trường.

- Định kỳ trao đổi tổng kết kinh nghiệm về xây dựng mô hình văn hóa nhà trường; hướng dẫn hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên trong nhà trường và giữa các trường với nhau để học tập những mô hình tốt, bổ sung hoàn thiện những tiêu chuẩn, tiêu chí một cách cụ thể, nhằm ngày càng hoàn thiện hơn mô hình văn hóa nhà trường.

Xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

2.4. Sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn kinh phí hằng năm

Nhà trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm học 2021-2022 sau khi được Hội nghị Viên chức và Người lao động đầu năm học thảo luận góp ý và thông qua. Quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo tính minh bạch và dân chủ; xây dựng kế hoạch phân bổ nguồn kinh phí hằng năm cho các hoạt động đảm bảo hợp lý, hiệu quả, được thông qua Hội nghị viên chức đơn vị. Quy chế đã thể hiện bố trí kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cần thiết, đồng thời đảm bảo nguồn kinh phí hợp lý cho hoạt động chuyên môn, dạy và học.

2.5. Phát huy cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội và các ban ngành đoàn thể nhà trường, địa phương trong giáo dục thiếu niên, nhi đồng. Tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cho GV và học sinh nhằm góp phần tạo môi trường tích cực cho những hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp nhằm hình thành năng lực, phẩm chất người học

Các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội xây dựng kế hoạch, chương trình công tác, chương trình phối hợp với địa phương nhằm chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp cho GV, học sinh trong việc:

- Động viên, thăm hỏi, hỗ trợ các GV, học sinh có hoàn cảnh khó khăn;
- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa;
- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, nói chuyện chuyên đề, giáo dục về các chính sách, pháp luật, giới tính, sức khỏe sinh sản,...
- Tổ chức các hội thi về kiến thức, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cho GV và học sinh.

2.6. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục

Tuyên truyền, vận động về chủ trương xã hội hóa giáo dục, huy động nguồn lực để tạo sự chuyển biến tích cực của các cấp, các ngành và nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân về ý nghĩa tầm quan trọng của việc đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, xây dựng trường chuẩn quốc gia để nâng cao chất lượng giáo dục.

Tôn trọng và thu hút được gia đình, cộng đồng địa phương tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường bằng hình thức vận động sự ủng hộ về chủ trương huy động nguồn lực, xã hội hóa giáo dục, thông qua:

- Các cuộc làm việc với cấp ủy, chính quyền địa phương;
- Các phương tiện thông tin, truyền thông;
- Các cuộc họp phụ huynh lớp, trường.

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch vận động tài trợ năm học 2021-2022, trình Sở GD-ĐT Nghệ An phê duyệt để hỗ trợ công tác xây dựng CSVC nhà trường phục vụ cho dạy học, GD. Ngoài ra, nhà trường đã tranh thủ được sự ủng hộ của các thế hệ cựu học sinh thành đạt ủng hộ việc xây dựng nhà trường.

III. ĐẢM BẢO CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO

3.1. Xây dựng chiến lược ĐBCL giáo dục của nhà trường

3.1.1. Thực trạng các hoạt động của nhà trường

* Về học sinh:

- Công tác tuyển sinh của nhà trường đảm bảo đạt hiệu quả, hàng năm số học sinh tuyển mới đầu cấp đạt đều đạt 100% số lượng được phê duyệt. Chất lượng đầu vào của học sinh khá đồng đều bởi tỉ lệ tuyển sinh hàng năm chỉ ở mức 70-75% số lượng học sinh đăng ký, tuy nhiên từ năm học 2019-2020 đến nay, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên chất lượng đầu vào lớp 10 còn hạn chế.

- Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh có kết quả khá cao và vững chắc, nhất là chất lượng mũi nhọn ở các cuộc thi cấp huyện, cấp tỉnh. Cụ thể của năm học 2020-2021:

- Kết quả thi HSG tốt (Xếp thứ 19 toàn tỉnh không tính trường chuyên, đậu 19/28 hs dự thi với 02 nhất, 05 Nhì, 05 Ba và 07 KK).

- Hội thao GDQP đạt thành tích cao (Hạng 3 toàn đoàn, 2 nhất, 4 nhì, 4 ba, 7 KK)

- Có 02 Đề án tham gia cuộc thi KHKT cấp tỉnh, có 01 đề tài đạt giải Tư.

- Tổ chức được 02 hoạt động trải nghiệm sáng tạo đi tham quan các di tích lịch sử văn hóa trong tỉnh: Truong Bồn – Khu lưu niệm đ/c Nguyễn Thị Minh Khai – Bảo tàng QK4 - Đền thờ Hoàng đế Quang Trung và Hoạt động trải nghiệm STEM tại trang trại nông nghiệp sạch ở Tân Thành thỏa thuận với phụ huynh và sự tự nguyện tham gia của học sinh.

- Tổ chức 01 CLB Âm nhạc cho hs.

- Trong công tác giáo dục toàn diện, tỷ lệ xếp loại Hạnh kiểm tốt, xếp loại Học lực giỏi vẫn được giữ vững. Xếp loại 2 mặt giáo dục:

+ Học lực:

	Sĩ số	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tổng	1731	211	12.19%	959	55.40%	557	32.18%	3	0.17%	1	0.06%
Khối 10	585	39	6.67%	254	43.42%	289	49.40%	3	0.51%	0	0.00%
Khối 11	601	76	12.65%	319	53.08%	205	34.11%	0	0.00%	1	0.17%
Khối 12	545	96	17.61%	386	70.83%	63	11.56%	0	0.00%	0	0.00%

+ Hạnh kiểm:

	Sĩ số	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tổng	1731	1369	79.09%	284	16.41%	78	4.51%	0	0.00%
Khối 10	585	478	81.71%	81	13.85%	26	4.44%	0	0.00%
Khối 11	601	420	69.88%	132	21.96%	49	8.15%	0	0.00%
Khối 12	545	471	86.42%	71	13.03%	3	0.55%	0	0.00%

- Trong kỳ thi TN THPT quốc gia năm 2021 trường THPT Bắc Yên Thành có điểm trung bình tổng 3 môn thi theo 5 khối thi truyền thống của 545 hs toàn trường là 21,21 điểm (năm 2019 là 18,58 điểm, năm 2020 là 20.98 điểm). (Riêng lớp 12A1 đạt 25.95 điểm; Lớp 12A2 đạt 24,15 điểm), toàn trường có 15 hs đạt từ 27 điểm trở lên, trong đó có 4 hs đạt trên 28.0 đ, có 1 điểm 10 môn Sinh học, 01 điểm 10 môn Tiếng Anh và 10 điểm 10 môn GDCD, Điểm thi cao nhất trường là 28,7 điểm; Có 01 hs thi khối A1 đạt 28,25 điểm được Giám đốc Sở GD-ĐT tặng giấy khen. Tỷ lệ TN THPT đạt 99.63% học sinh dự thi (Hồng 2 hs), ĐTB các môn thi của 545 hs dự thi THPT QG là 6,41 điểm (toàn tỉnh là 6.31 điểm).

- Số lượng học sinh năm học 2021-2022:

Toàn trường	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
		Khối 10	Khối 11	Khối 12	
Số lớp	42				
Số học sinh	1800	591	609	600	
<i>Trong đó:</i>					
- Nữ	978	332	307	339	
- Khuyết tật	6	3	2	1	
- HS công giáo	232	64	88	80	
- Chính sách	9	5	1	3	
- Hộ nghèo	23	8	12	3	
- Cận nghèo	78	27	25	26	
- Mồ côi	1			1	
- Lưu ban	1		1		
- Mới tuyển	591	591			

* Về đội ngũ CB, GV, NV:

Bảng số liệu tại thời điểm tháng 9/2021, Cụ thể:

TT	Chức danh	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo			Chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp GV Năm học 2020-2021		
				Chưa đạt	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Đạt	Khá	Tốt
1	Hiệu trưởng	1				1			1
2	Phó hiệu trưởng	3	1			3			3
3	Giáo viên	91	55		70	21		10	81
4	Nhân viên	5	5		5				5
	Cộng	100	61		75	25		10	90
5	Cán bộ quản lý cốt cán								
6	Giáo viên cốt cán	4	1						4
7	Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh	30	14						20

Tình hình đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường có đầy đủ về số lượng; chất lượng giáo viên đồng đều, có tâm huyết với nghề, có khát vọng vươn lên và đáp ứng được sự đổi mới của GDPT. Cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên đều đạt chuẩn nghiệp vụ sư phạm, trong đó: có 25 cán bộ quản lý và giáo viên có trình độ thạc sĩ, 03 giáo viên đang theo học Thạc sĩ, 75 giáo viên có trình độ đại học, 04 nhân viên có trình độ Đại học, còn 1 nhân viên y tế trình độ Trung cấp. Đội ngũ cán bộ, giáo viên có trình độ tay nghề vững vàng, có 30 người đã đạt giáo viên dạy giỏi tỉnh, 01 nhân viên thư viện giỏi tỉnh. 100% CBGV, NV đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác trong giai đoạn mới.

- Xếp loại CB, GV theo chuẩn năm học 2019-2020: Tốt 10 người, tỷ lệ: 45%; Khá: 12 người, tỷ lệ: 55%

- Xếp loại viên chức năm học 2020-2021:

+ Loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 38; tỷ lệ: 38%

+ Loại hoàn thành tốt nhiệm vụ: 62; tỷ lệ: 62%

+ Loại hoàn thành nhiệm vụ: 0;

+ Loại không hoàn thành nhiệm vụ: 0;

- Có 06 đ/c được tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp GD.

- Có 01 đ/c được Tổng LĐLĐ Việt Nam tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp XD tổ chức công đoàn.

- Có 13 đ/c đạt chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

- Có 94 CBGV đạt lao động tiên tiến;
- Có 03 giáo viên đạt GV chủ nhiệm giỏi tỉnh.
- Có 17 đ/c có SKKN cấp ngành.
- Có 03 đ/c được Bộ trưởng tặng bằng khen.
- 01 đ/c được Bí thư tỉnh ủy tặng Bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu biểu 5 năm liên tục.
- Có 01 GV được Giám đốc sở GD-ĐT Nghệ An tặng giấy khen.
- 01 đ/c được LĐLĐ Tỉnh tặng bằng khen.
- 07 đ/c được công đoàn ngành tặng giấy khen.
- 01 đ/c được Tỉnh đoàn tặng Bằng khen
- 01 đ/c được CT UBND huyện tặng Giấy khen về thành tích xuất sắc trong công tác Bảo hiểm y tế học sinh năm học 2020-2021.
- * Về các đoàn thể trong nhà trường
- Chi bộ Hoàn thành Tốt nhiệm vụ.
- Công đoàn đạt vững mạnh xuất sắc, được Công đoàn ngành GD tặng giấy khen
- Đoàn trường đạt vững mạnh xuất sắc, được Trung ương Đoàn tặng Bằng khen
- Ban đại diện cha mẹ học sinh: Đã phối hợp tốt cùng với nhà trường để hỗ trợ công tác GD, dạy học đạt hiệu quả.
- * Về cơ sở vật chất:
- Địa điểm, quy mô, diện tích nhà trường:
- + Địa điểm: Trường đặt khu vực giáp ranh 2 xã Lăng Thành và Hậu Thành (địa chỉ hành chính: Xã Lăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An); môi trường xung quanh bảo đảm an toàn đối với học sinh, cán bộ, giáo viên và nhân viên; có kết nối giao thông thuận lợi cho học sinh đi học; đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy, nổ.
- + Quy mô: Trường có 42 lớp với 1800 học sinh.
- + Diện tích: Tổng diện tích khuôn viên: 54.000 m²
- Phòng khối hành chính quản trị: Có đầy đủ các phòng theo quy định, trang thiết bị đầy đủ, hiệu quả sử dụng tốt.

TT	Tên phòng	Diện tích sử dụng	Trang thiết bị	Hiệu quả sử dụng
1	01 phòng Hiệu trưởng	48 m ²	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Hiệu quả sử dụng tốt.
2	03 Phòng Phó Hiệu trưởng	20m ² /phòng	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Hiệu quả sử dụng tốt.
3	01 phòng Kế toán	20m ²	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Hiệu quả sử dụng tốt.
4	01 phòng Thủ quỹ	20m ²	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Hiệu quả sử dụng tốt.

5	04 phòng tổ Chuyên môn	20m ² /phòng	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Hiệu quả sử dụng tốt.
6	01 phòng Chi bộ	20m ²	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Hiệu quả sử dụng tốt.
7	01 phòng công đoàn	20m ²	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Hiệu quả sử dụng tốt.
8	01 phòng Đoàn	40m ²	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Hiệu quả sử dụng tốt.
9	01 phòng tiếp dân	20m ²	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Hiệu quả sử dụng tốt.
10	01 Khu vệ sinh giáo viên nam	20m ²	Khu vệ sinh riêng biệt, đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường	Hiệu quả sử dụng khá tốt.
11	01 Khu vệ sinh giáo viên nữ	20m ²	Khu vệ sinh riêng biệt, đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường	Hiệu quả sử dụng khá tốt.
12	01 khu để xe GV + thi đấu thể thao	260m ²	Có mái che; bố trí khu vực để xe gần văn phòng nhà trường, thuận lợi cho GV	Hiệu quả sử dụng tốt.
13	01 Phòng thường trực bảo vệ	12 m ²	Đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi	Hiệu quả sử dụng tốt.

- Khối phòng học tập: Có đầy đủ các phòng với trang thiết bị đảm bảo quy định.

TT	Tên phòng	Diện tích sử dụng	Trang thiết bị	Hiệu quả sử dụng
1	Phòng học của 42 lớp	48-54m ² /phòng	Được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt;	Hiệu quả sử dụng tốt.
2	01 phòng học Tiếng Anh	54m ²	- Có thiết bị nghe nhìn, có máy chiếu để giảng dạy, học tập. - Có tủ đựng đồ dùng cho giáo viên và học sinh giảng dạy, học tập - Phòng được trang trí theo đúng quy định.	Hiệu quả sử dụng khá tốt
3	03 phòng thí nghiệm	54m ² /phòng	- Có đầy đủ trang thiết bị tiên tiến, hiện đại đạt chuẩn quy định	Hiệu quả sử dụng tốt.
4	03 Phòng thực hành Tin học	48 m ² /phòng	Có 25 máy (gồm 24 máy dành cho học sinh và 1 máy dành cho giáo viên), các máy sử dụng khá tốt và được kết nối mạng Internet. Phòng được trang trí theo đúng quy định.	Hiệu quả sử dụng bình thường.

- Khối phòng hỗ trợ học tập:

Có đầy đủ theo quy định, hiệu quả sử dụng tốt

TT	Tên phòng	Diện tích sử dụng	Trang thiết bị	Hiệu quả sử dụng
1	01 phòng Thư viện	48 m ²	Có tủ sách dùng chung; có kho sách, nơi làm việc của nhân viên thư viện, chưa có khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh	Hiệu quả sử dụng tốt.
2	01 Phòng truyền thống	48m ²	Có mô hình nhà trường, các hình ảnh hoạt động của trường, ảnh các thế hệ hiệu trưởng, lưu giữ thành tích của giáo viên học sinh...Phòng được trang trí theo đúng quy định.	Hiệu quả sử dụng tốt.
3	01 phòng tư vấn học đường	20m ²	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Hiệu quả sử dụng tốt.

- Phòng phụ trợ: Nhà trường có đủ phòng họp, phòng nghỉ cho GV, y tế, nhà kho, khu để xe HS, vệ sinh HS, phòng GV. Các phòng được trang bị đầy đủ thiết bị hiện đại, đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng.

Cụ thể như sau:

TT	Tên phòng	Diện tích sử dụng	Trang thiết bị	Hiệu quả sử dụng
1	Phòng họp (P. hội đồng sư phạm)	96m ²	Có đầy đủ bàn ghế, có ti vi, trang trí phù hợp phục vụ chuyên đề, hội họp trao đổi chuyên môn.	Hiệu quả sử dụng tốt.
2	01 phòng y tế học đường	20m ²	Có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, 2 giường bệnh	Hiệu quả sử dụng tốt.
3	04 Phòng kho thiết bị giáo dục	18 m ² /phòng	Có đầy đủ giá, tủ để dụng cụ và bảo quản thiết bị dạy học và các dụng cụ của toàn trường	Hiệu quả sử dụng khá.
4	02 khu để xe HS	1000m ²	Có mái che; bố trí khu vực để xe cho học sinh khuyết tật gần lối ra/vào	Hiệu quả sử dụng tốt.
5	04 khu vệ sinh HS	160 m ²	Phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường	Hiệu quả sử dụng tốt

- Khu sân chơi, thể dục thể thao, cổng, hàng rào:

Trường có khu sân chơi đã ghép gạch rộng 4800m². Sân học thể dục và thi đấu thể thao rộng 3000m² (sân đất).

Còn thiếu: Nhà đa năng.

- Cổng, hàng rào: Khuôn viên của trường ngăn cách với bên ngoài bằng tường xây bao quanh, bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường. Hiệu quả sử dụng tốt.

- Hạ tầng kỹ thuật:

+ Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, hệ thống thoát nước, công thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường

+ Hệ thống cấp điện: Hệ thống điện 3 pha bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường

+ Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành

+ Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: Ti vi, điện thoại, kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường đầy đủ.

+ Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác.

* Về tài chính:

Nhà trường là đơn vị sự nghiệp công lập được cấp kinh phí hoạt động. Năm 2020 được cấp kinh phí 12.562.749.000 đ (trong đó chi thường xuyên là 1.051.126.000 đ); Năm 2021 được cấp kinh phí 13.031.111.000 (trong đó chi thường xuyên là 1.055.126.000 đ)

* Đánh giá chung về điểm mạnh, điểm yếu

- Điểm mạnh:

Học sinh của nhà trường đa số chăm ngoan, ham học. Phong trào học tập, phong trào hoạt động Đoàn thanh niên tốt.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đạt chuẩn đào tạo, nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường, mong muốn nhà trường phát triển, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đa số đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục, yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

Cán bộ quản lý có đủ số lượng theo yêu cầu, có năng lực chuyên môn vững vàng, không ngừng đổi mới công tác quản lý, quyết tâm xây dựng môi trường giáo dục văn minh, thân thiện và nhân văn. Công tác tổ chức quản lý của BGH có tầm nhìn khoa học, sáng tạo. Xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn có tính khả thi, sát thực tế. Công tác tổ chức triển khai kiểm tra đánh giá sâu sát, thực chất và đổi mới. Được sự tin tưởng cao của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Trường đã đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 vào năm 2014, các điều kiện cơ sở vật chất nhà trường cơ bản được đáp ứng cho việc tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục. Tất các phòng học, phòng chức năng đều đảm bảo đủ phương tiện nhằm phục vụ cho công tác dạy học và các hoạt động khác. Hệ thống Công nghệ thông tin, cơ bản đảm bảo phục vụ cho công tác dạy học và khai thác kiến thức của CBGVNV và HS.

Các đoàn thể trong nhà trường có sự phối hợp hiệu quả, đạt được các thành tích cao trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Ban đại diện CMHS hoạt động khá tích cực và có hiệu quả. Đa số phụ huynh thực sự chăm lo tới việc học tập của con em mình.

Về tài chính: Hàng năm, nhà trường được cấp ngân sách chi thường xuyên.

- Điểm yếu:

Vẫn còn một số ít HS chưa ham học, chưa ngoan nên kết quả học tập chưa cao.

Đội ngũ CB, GV vẫn còn một số cá nhân lớn tuổi, năng lực công nghệ thông tin yếu, nên khó khăn trong việc thích ứng với hoạt động dạy học trực tuyến do dịch COVID-19.

Về CSVC: Tính đến thời điểm tháng 9/2021 nhà trường còn thiếu nhà đa năng xét theo tiêu chuẩn trường chuẩn Quốc gia mức độ 2, hệ thống phòng học vẫn còn 6 phòng cấp 4 đã xuống cấp do được xây dựng nhiều năm..

Một bộ phận phụ huynh HS chưa quan tâm nhiều đến việc học tập của con em mà chỉ giao khoán cho GVCN và nhà trường.

Nguồn kinh phí chi thường xuyên hàng năm tăng cường cho việc đầu tư cơ sở vật chất còn hạn chế, chưa được đáp ứng được theo quy định.

3.1.2. Thời cơ, thách thức của nhà trường trong giai đoạn hiện nay:

* Thời cơ:

Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đổi mới giáo dục phổ thông, chủ trương phát triển sự nghiệp giáo dục của chính quyền địa phương:

Hiện nay, Đảng và Nhà nước coi giáo dục là quốc sách hàng đầu và có nhiều chính sách ưu tiên phát triển giáo dục. Ngày 04 tháng 11 năm 2013, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW) về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, góp phần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Ngày 27 tháng 3 năm 2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 404/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Bộ GD&ĐT đã ban hành Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 về Chương trình GDPT 2018.

Vấn đề phát triển sự nghiệp GD đã được đưa vào các văn bản Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX với mục tiêu đến năm 2025 đạt: 75-78% trường học đạt chuẩn QG, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Yên Thành lần thứ XXVII, nhiệm kỳ 2020-2025 với chỉ tiêu phấn đấu 95% trường đạt chuẩn QG; Đại hội Chi bộ trường THPT Bắc Yên Thành nhiệm kỳ 2020-2025 đặt mục tiêu trường đạt chuẩn QG mức độ 2.

Mục tiêu đổi mới được Nghị quyết 88/2014/QH13 của Quốc hội quy định: “Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông nhằm tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả giáo dục phổ thông; kết hợp dạy chữ, dạy người và định hướng nghề nghiệp; góp phần chuyển nền giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang nền giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, hài hoà đức, trí, thể, mỹ và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi học sinh.”

Tình hình chính trị, an ninh trật tự, an toàn xã hội, kinh tế - văn hoá xã hội của địa phương khá ổn định, từng bước phát triển theo chiều hướng tích cực. Đời sống của nhân dân ngày được cải thiện, công tác xoá đói giảm nghèo được các cấp quan tâm đúng mức. Nhận thức việc học tập của cộng đồng dân cư ngày càng tiến bộ, mọi gia đình đều quan tâm tới việc học tập của con em và xem đây là nhiệm vụ hàng đầu để thoát nghèo. Cha mẹ học sinh trong địa bàn đã có lòng tin vào chất lượng giáo dục của nhà trường, yên tâm khi con em được học tại trường. Khoa học công nghệ ngày càng xâm nhập, phát triển mạnh và được vận dụng khá rộng rãi trong cuộc sống hàng ngày, mang lại hiệu quả thiết thực, nhu cầu việc học đòi hỏi đáp ứng ngày càng cao. Chính quyền địa phương đã có nhiều chính sách tích cực nhằm phát triển giáo dục trên địa bàn.

* Thách thức:

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội và của học sinh, đòi hỏi nhà trường phải có thay đổi vượt bậc về các điều kiện dạy-học cũng như phương pháp, cách thức tổ chức dạy học nhằm bắt kịp đà phát triển chung của ngành.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt quan tâm chất lượng dạy học ngoại ngữ, Tin học; chú trọng dạy các kỹ năng sống cần thiết và hình thành, rèn luyện phẩm chất cho HS.

Bồi dưỡng cho học sinh tinh thần thái độ học tập đúng đắn, vượt qua những biểu hiện tiêu cực của xã hội hiện tại như chơi game online, bạo lực học đường, ý thức khi tham gia giao thông, phòng tránh tai nạn thương tích, đuối nước, xâm hại...

Chất lượng của cán bộ, giáo viên, nhân viên phải đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục, nhất là khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, trình độ ngoại ngữ, năng lực chủ động, sáng tạo cần có sự bứt phá vươn lên để khẳng định thương hiệu của nhà trường.

3.1.3. Mục tiêu chương trình giáo dục của nhà trường

Theo Luật GD 2019: Mục tiêu chung của giáo dục phổ thông là nhằm phát triển toàn diện cho người học về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho người học tiếp tục học chương trình giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong đó: Giáo dục trung học phổ thông nhằm trang bị kiến thức công dân; bảo đảm cho học sinh củng cố, phát triển kết quả của giáo dục trung học cơ sở, hoàn thiện học vấn phổ thông và có hiểu biết thông thường về kỹ thuật, hướng nghiệp; có điều kiện phát huy năng lực cá nhân để lựa chọn hướng phát triển, tiếp tục học chương trình giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc..

Nội dung giáo dục phổ thông phải bảo đảm tính phổ thông, cơ bản, toàn diện, hướng nghiệp và có hệ thống; gắn với thực tiễn cuộc sống, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi của học sinh, đáp ứng mục tiêu giáo dục ở mỗi cấp học. Giáo dục trung

học phổ thông củng cố, phát triển nội dung đã học ở trung học cơ sở, hoàn thành nội dung giáo dục phổ thông; bảo đảm chuẩn kiến thức phổ thông cơ bản, toàn diện và hướng nghiệp cho học sinh, có nội dung nâng cao ở một số môn học để phát triển năng lực, đáp ứng nguyện vọng của học sinh.

Hiện nay về cơ bản nhà trường được tự chủ về chuyên môn. Hiệu trưởng đã giao quyền tự chủ cho GV về nội dung, chương trình, thời lượng đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh của từng lớp học. Tuy nhiên, nhiều giáo viên vẫn chưa mạnh dạn thực hiện điều này do nhiều lý do, sợ cấp trên đánh giá, sợ làm khác lối mòn, sợ phải nghĩ để sáng tạo, tự chủ...

Phương pháp dạy học và đánh giá theo tiếp cận phát triển năng lực học sinh và những thay đổi từ phía người học, nhu cầu của học sinh, cha mẹ các em, nhu cầu của cộng đồng, xã hội:

Phương pháp dạy học và đánh giá theo tiếp cận phát triển năng lực học sinh chú trọng hình thành phẩm chất và năng lực thông qua việc hình thành kiến thức, kỹ năng; mục tiêu dạy học được mô tả chi tiết và có thể quan sát, đánh giá được. *Học để sống, học để biết làm*; chú trọng các kỹ năng thực hành, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, nội dung chương trình có tính mở; Sách giáo khoa không theo hệ thống kiến thức liền mạch; lấy người học làm trung tâm, sử dụng các PPDH tích cực kết hợp truyền thống, thầy chủ yếu giữ vai trò dẫn dắt, tổ chức, trò chủ động, phát huy tối đa năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo và tự học của người học; người dạy có thể đứng phía sau, đứng ở gần, ở xa... để điều khiển nhóm học tập, tạo không khí cởi mở, thân thiện trong lớp học. Lớp học có thể ở không gian ngoài trời, ở thực địa, có thể kê bàn ghế quây vào nhau; Đánh giá của dạy học phát triển năng lực đó là sản phẩm “đầu ra” có vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn được hay không, học và có biết làm không? người học được tham gia vào quá trình đánh giá, nâng cao năng lực phản biện, một phẩm chất rất quan trọng của con người thời kỳ hiện đại.

3.1.4. Xác định sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của nhà trường

Sứ mệnh: Trường THPT Bắc Yên Thành có sứ mệnh tạo dựng môi trường học tập và rèn luyện có nền nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân. Là trung tâm Văn hóa – Giáo dục khu vực phía bắc huyện Yên Thành.

Tầm nhìn:

Là một trong những trường THPT có chất lượng hàng đầu của tỉnh Nghệ An mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện; Là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới những tầm cao mới.

Giá trị cốt lõi:

Coi trọng tính ***trung thực, tinh thần trách nhiệm, năng động, sáng tạo, khả năng hội nhập*** của học sinh và đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Trung thực: Trung thực trong học tập, biết bảo vệ lẽ phải và đấu tranh với những điều sai trái trong cuộc sống.

Tinh thần trách nhiệm: Con người phải có tinh thần trách nhiệm với bản thân, với cộng đồng và trong công việc.

Năng động: là phẩm chất của công dân toàn cầu trong môi trường luôn thay đổi và đầy thách thức

Sáng tạo: là bản chất và là mục tiêu của giáo dục.

Khả năng hội nhập: Hội nhập để sống và làm việc trong môi trường toàn cầu cạnh tranh, đa văn hóa và đa sắc tộc.

3.1.5. Xác định chuẩn đầu ra của Chương trình giáo dục nhà trường

(Phụ lục 9)

3.2. Đảm bảo chất lượng tuyển sinh

Năm học 2021-2022, nhà trường đã xây dựng Kế hoạch tuyển sinh và được Sở GD-ĐT Nghệ An phê duyệt, kế hoạch tuyển sinh phù hợp với điều kiện nhà trường. Tuyển đúng yêu cầu, tiêu chuẩn, đủ số lượng theo đúng quy chế Tuyển sinh do Bộ GD-ĐT ban hành.

Nhà trường đã chủ động liên hệ với các trường THCS để điều tra nắm bắt số lượng học sinh học Ngoại ngữ theo từng loại chương trình để xây dựng phương án dạy học Ngoại ngữ phù hợp. Đồng thời nắm bắt thông tin học sinh hòa nhập để bố trí lớp học, phòng học và giáo viên phù hợp cũng như xây dựng kế hoạch giáo dục cho học sinh hòa nhập. Đầu năm học cho học sinh đăng ký nguyện vọng ban học để bố trí vào các lớp theo năng lực sở trường của học sinh.

Từ thông tin công tác tuyển sinh lớp 10, Hiệu trưởng nắm tình hình đặc điểm đối tượng học sinh để chuẩn bị phương án bố trí các GV làm nhiệm vụ chủ nhiệm và dạy học các môn khối lớp 10.

3.3. Xây dựng đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018

Giáo viên có vai trò quyết định trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục. Xây dựng đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018 là sự đảm bảo chất lượng bền vững. Nhà trường đã xây dựng Đề án số 55/ĐA-THPTBYT ngày 23/6/2019 về vị trí việc làm. Trên cơ sở đề án vị trí việc làm, Hiệu trưởng đề xuất Sở GD-ĐT tiếp nhận, tuyển dụng bố trí GV nhà trường đủ về số lượng và hợp lý về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng, đạt chuẩn theo quy định để tổ chức dạy đầy đủ, dạy tốt các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định.

Xây dựng phương án bố trí nhân sự năm học, Hiệu trưởng tổ chức phân công lao động, bố trí nhiệm vụ phù hợp để phát huy năng lực, sở trường của từng giáo viên.

Về bồi dưỡng đội ngũ: Thực hiện bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng hoạt động thực tiễn cho đội ngũ GV của nhà trường; có nhiệm vụ, mục tiêu bồi dưỡng cụ thể cho từng GV. Hàng năm tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ (học thạc sỹ, dự các lớp tập huấn chuyên môn,...) và học trung cấp chính trị, bồi dưỡng quản lý.

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng GVĐG các cấp (*trường, tỉnh*). Trên cơ sở nỗ lực phấn đấu của cá nhân GV và sự bồi dưỡng của tổ, nhóm CM, nhà trường chú trọng tập trung nâng cao tỉ lệ GV dạy giỏi các cấp theo Tiêu chuẩn 2 trong Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT đáp ứng yêu cầu trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Nhà trường và Công đoàn đã có Quy chế phối hợp hoạt động (Số 24/QCPH-THPTBYT ngày 12/11/2018) nhằm tạo điều kiện về vật chất và thời gian, tăng thu nhập và quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần cho GV.

Làm tốt công tác thi đua, khen thưởng, tạo động lực phấn đấu trong đội ngũ GV.

Xây dựng đội ngũ GV định hướng theo tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia với các tiêu chí cụ thể: Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo 35%, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; số GVGD cấp tỉnh đạt 40 người. Có chính sách khuyến khích, đãi ngộ, tôn vinh những GV tâm huyết với nghề, năng lực chuyên môn tốt.

3.4. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, chương trình nhà trường

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, chương trình nhà trường phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện thực tiễn của trường; chương trình tăng cường đáp ứng nhu cầu của học sinh, phụ huynh.

3.4.1. Thiết kế chương trình giáo dục

a) Căn cứ vào mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục, Nhà trường thiết kế các nội dung (Kế hoạch số 90/KH-THPTBYT ngày 28/8/2021 về Kế hoạch chương trình GD năm học 2021-2022 được thay đổi bởi Kế hoạch số 109/KH-THPTBYT ngày 30/9/2021 theo yêu cầu của Công văn 4040/BGDĐT-GDTrH ngày 16/9/2021):

- Khung kế hoạch thời gian triển khai các môn học;
- Hoạt động giáo dục bắt buộc;
- Các môn học bắt buộc, các môn học tự chọn;
- Nội dung giáo dục địa phương, hoạt động trải nghiệm, trong nhà trường để thực hiện chương trình giáo dục đã thiết lập được;

b) Tổ chuyên môn lập kế hoạch giáo dục theo năm học

Căn cứ vào Kế hoạch chương trình giáo dục năm học 2021-2022 của nhà trường, các tổ chuyên môn xây dựng Kế hoạch hoạt động tổ CM theo quy định:

- Khung thời gian triển khai môn học;
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh;
- Quản lý hồ sơ chuyên môn của giáo viên, dự giờ và đánh giá giờ dạy;
- Xây dựng các ngân hàng câu hỏi, bài tập cho môn học;
- Hoạt động giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;
- Tổ chức trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong tổ chuyên môn và phát triển chương trình, phương pháp dạy học, giáo dục; đặc biệt cần lấy nghiên cứu bài học là hoạt động thường xuyên để phát triển nghề nghiệp.

c) Giáo viên lập kế hoạch giáo dục, bao gồm:

- Bài dạy (giáo án), theo dõi và đánh giá kết quả học sinh, chủ nhiệm lớp (nếu có);

- Xây dựng, biên soạn các tài liệu hướng dẫn dạy học, giáo dục các chuyên đề, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động giáo dục tự chọn dựa trên nhu cầu, đặc điểm địa phương để sử dụng chung trong trường.

3.4.2. Thực hiện chương trình giảng dạy linh hoạt và có hiệu quả

Nhà trường giao quyền chủ động cho tổ, nhóm chuyên môn và GV quyền chủ động thực hiện chương trình giảng dạy linh hoạt, phù hợp và có hiệu quả với các đối tượng học sinh, điều kiện thực tiễn nhà trường và địa phương.

3.5. Xây dựng, bồi dưỡng cán bộ quản lý

Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, trách nhiệm và tự trọng; có tầm nhìn, sáng tạo, năng lực tổ chức, quản trị nhà trường và tâm huyết với nghề; đạt chuẩn hiệu trưởng mức Tốt theo quy định.

Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, kỹ năng hoạt động thực tiễn đối với CBQL. Cán bộ quản lý học tập, rèn luyện phấn đấu đạt 4T: Tâm huyết, Trách nhiệm, Tầm nhìn, Tác phong chuyên nghiệp. 01 CBQL đi học Cao cấp lý luận chính trị trong 5 năm 2020-2025.

3.6. Đảm bảo CSVC, đồ dùng dạy học, thiết bị dạy học

Cơ sở vật chất, đồ dùng dạy học, thiết bị dạy học góp phần quan trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học, giáo dục. Đảm bảo CSVC, đồ dùng, thiết bị dạy học là tiền đề đảm bảo chất lượng giáo dục. (Phụ lục 11).

Cuối tháng 8/2021 Trường tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng CSVC và trang thiết bị dạy học hiện có của nhà trường; căn cứ yêu cầu của hoạt động dạy học, giáo dục để xây dựng kế hoạch bổ sung, sửa chữa, mua sắm CSVC, trang thiết bị dạy học. Đã làm rõ danh mục bổ sung, sửa chữa, mua sắm trước mắt (ngay trong năm học) và dài hạn (từ 3-5 năm) để có kế hoạch bố trí kinh phí phù hợp.

Có kế hoạch vận động, huy động các nguồn lực theo hướng xã hội hóa để có kinh phí bổ sung, xây dựng, sửa chữa, cải tạo CSVC, trang thiết bị dạy học: sự đầu tư từ ngân sách nhà nước (các chương trình, dự án thuộc ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện, xã); sự ủng hộ của các doanh nghiệp, các tổ chức, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước; sự ủng hộ của các thế hệ cựu học sinh, nhất là học sinh thành đạt; sự đóng góp của cha mẹ học sinh. Việc sử dụng kinh phí bảo đảm công khai, minh bạch để tạo niềm tin đối với các nhà đầu tư đồng thời bảo đảm quy định pháp luật về quản lý tài chính, tài sản. Việc mua sắm, xây dựng CSVC, trang thiết bị tuân thủ các quy định hiện hành về mua sắm, đấu thầu, vv.

Nhà trường ban hành Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng tài sản công trong nhà trường. Theo đó, đã tổ chức khai thác, sử dụng CSVC, trang thiết bị, đồ dùng dạy học đã được trang bị bảo đảm hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục. Khắc phục tình trạng lãng phí CSVC, trang thiết bị, không khai thác, sử dụng hoặc không khai thác hết tính năng thiết bị, CSVC hiện có. Có biện pháp

quản lý để ngăn ngừa tình trạng GV ngại sử dụng thiết bị, nhất là các thiết bị công nghệ hiện đại. Gắn việc sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học với việc đánh giá xếp loại hàng năm của GV.

Thực hiện có nền nếp việc quản lý, đăng ký, kiểm kê, khấu hao, thanh lý CSVC, tài sản, trang thiết bị theo quy định. Tăng cường ứng dụng CNTT, sử dụng các phần mềm trong quản lý CSVC, trang thiết bị, đồ dùng dạy học để nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng, bảo quản CSVC, trang thiết bị.

3.7. Cam kết trách nhiệm

Giáo viên kí cam kết chất lượng dạy học với Hiệu trưởng; Hiệu trưởng kí cam kết với Giám đốc Sở GD&ĐT Nghệ An về chất lượng giáo dục của nhà trường. *(Phụ lục 6)*

IV. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG QUÁ TRÌNH DẠY HỌC, GIÁO DỤC

4.1. Đảm bảo chất lượng dạy học của GV

Nhà trường, thông qua tổ, nhóm chuyên môn, chỉ đạo đội ngũ GV thực hiện nghiêm túc các yêu cầu, quy định để đảm bảo chất lượng dạy học. Cụ thể:

4.1.1. GV xây dựng và thực hiện chương trình môn học, lập kế hoạch giáo dục cá nhân, kế hoạch giảng dạy

Giáo viên xây dựng dự thảo kế hoạch dạy học môn học, thảo luận giữa các thành viên trong tổ, tổ chuyên môn hoàn thiện dự thảo trình Hiệu trưởng phê duyệt. Nhà trường giao quyền chủ động, linh hoạt cho GV trong việc xây dựng và thực hiện chương trình môn học, lập kế hoạch giáo dục cá nhân, kế hoạch giảng dạy phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Thực hiện tốt mục tiêu, nội dung chương trình và kế hoạch dạy học;
- Chuẩn bị bài soạn đầy đủ, chuẩn bị lên lớp ĐBCL, đúng quy định về giảng dạy và giáo dục học sinh;
- Thực hiện nghiêm túc việc lên lớp;
- Đổi mới phương pháp dạy học theo tiến trình: Tiếp cận tri thức, khám phá, thực hành, vận dụng nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh, dạy học “lấy học sinh làm trung tâm” và phát triển năng lực người học.
- Tổ chức dự giờ thăm lớp, SHCM theo hướng nghiên cứu bài học và phân tích tính sư phạm của bài học;
- Tổ chức kiểm tra - đánh giá kết quả việc học tập của học sinh;
- Quản lý tốt hồ sơ chuyên môn;
- Tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng với các nội dung, chuyên đề, môđul phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của cá nhân và kế hoạch của Trường đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

4.1.2. GV thiết kế bài giảng

GV chủ động linh hoạt khai thác các học liệu điện tử, ngữ liệu, ứng dụng CNTT,... để thiết kế bài giảng phù hợp với điều kiện thực tiễn và đối tượng học sinh, đảm bảo các yêu cầu:

- Lấy mục tiêu bài học, yêu cầu cần đạt của chương trình làm cơ sở để đánh giá kết quả học tập của học sinh sau mỗi tiết học;
 - Chuẩn bị tốt đồ dùng dạy học, phương pháp, hình thức, kỹ thuật dạy học;
 - Chú trọng đổi mới kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn của Bộ và Sở GDĐT.
- Tổ chức các hoạt động của học sinh gồm: khám phá, trải nghiệm, thực hành, kết nối, vận dụng nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh.

4.1.3. GV tổ chức thực hiện tốt kế hoạch bài giảng trên lớp

GV chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch bài giảng trên lớp để giúp học sinh học tập có hiệu quả. Việc thực hiện kế hoạch bài giảng trên lớp cần đảm bảo các yêu cầu:

- Việc đổi mới phương pháp dạy học đảm bảo theo yêu cầu đề ra;
- Đảm bảo mục tiêu dạy học đề ra;
- Tính phù hợp của hình thức và phương pháp dạy học, chú trọng tăng cường tương tác giữa học sinh với học sinh, gắn liền với thực tiễn và tích hợp trong dạy học;
- Người hướng dẫn, tổ chức điều khiển hoạt động học của học sinh;
- Sử dụng hiệu quả các đồ dùng, thiết bị, phương tiện dạy học cho hoạt động dạy học;
- Tiến trình dạy học đi từ hiện trạng học sinh từng hoạt động của tiết học;
- Đánh giá được nguyên nhân chính của những khó khăn trong hoạt động dạy học;
- Những giải pháp chủ yếu cần thực hiện để giúp học sinh tích cực tham gia học tập.

4.1.4. Thống nhất việc soạn bài của GV với tổ chức dạy học trên lớp đúng quy định, theo quan điểm định hướng đổi mới GD hiện nay của Bộ GDĐT

Tổ chuyên môn hướng dẫn GV để thống nhất việc soạn bài với tổ chức dạy học trên lớp đúng quy định, định hướng đổi mới của Bộ và Sở GD&ĐT. Khuyến khích GV sử dụng giáo án điện tử, các học liệu điện tử, ứng dụng CNTT,... để nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học.

4.1.5. Tăng cường quản lý hoạt động của Tổ chuyên môn

Tổ trưởng là người trực tiếp ĐBCL công tác dạy học và giáo dục của Tổ và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng. Tổ trưởng cần xây dựng và duy trì nền nếp hoạt động của Tổ (*Kế hoạch, chương trình hoạt động,...*); tăng cường các sinh hoạt, trao đổi chuyên môn về chuyên đề, chủ đề dạy học, những vấn đề mới, khó của Chương trình GDPT 2018; tìm các giải pháp có hiệu quả để nâng cao chất lượng hiệu quả dạy học, giáo dục học sinh. Hình thức sinh hoạt cần linh hoạt cả trực tiếp và trực tuyến, trong đó tăng cường sinh hoạt, trao đổi trực tuyến, dự giờ trực tuyến, vv.

Các GV có trách nhiệm ĐBCL trực tiếp về chuyên môn mà mình được phân công phụ trách.

4.1.6. Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh làm tiền đề cho việc đổi mới phương pháp dạy học và ngược lại. Coi Dạy - Học - Kiểm tra, đánh giá là một quá trình thống nhất, là ba then chốt của quá trình sư phạm.

Chỉ đạo GV tăng cường đánh giá thường xuyên nhằm kịp thời phát hiện những hạn chế, thiếu sót của từng học sinh để giúp các em khắc phục kịp thời; phát hiện sự tiến bộ của học sinh để động viên, khuyến khích các em vươn lên trong học tập, rèn luyện.

Tổ chức nghiêm túc, khách quan, chặt chẽ việc đánh giá định kỳ để nắm được chất lượng học sinh cả lớp, cả khối và toàn trường. Tổ CM chịu trách nhiệm hướng dẫn GV xây dựng đề kiểm tra định kỳ phù hợp, tuân thủ quy trình xây dựng đề kiểm tra. Tổ chức kiểm tra định kỳ nghiêm túc, khách quan, loại bỏ các hành vi tiêu cực gian lận, bệnh thành tích trong việc kiểm tra, đánh giá học sinh.

4.2. Đảm bảo chất lượng hoạt động học tập của học sinh

Giáo viên có vai trò quyết định trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục. GV được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc tổ chức dạy học, về chất lượng giáo dục học sinh. Để đảm bảo chất lượng hoạt động học tập của học sinh, GV cần thực hiện tốt các yêu cầu sau:

4.2.1. Đảm bảo thực hiện tốt quản lí hoạt động học tập của học sinh

a) Quản lí động cơ, thái độ học tập của học sinh

Giáo viên, đặc biệt GV chủ nhiệm, có trách nhiệm giáo dục, theo dõi, quản lý tinh thần, động cơ, thái độ học tập của học sinh; hình thành cho học sinh động cơ, thái độ học tập đúng đắn, trung thực, kiên quyết loại bỏ các biểu hiện gian lận trong học tập của học sinh. Xây dựng phong trào thi đua học tập tốt cho học sinh.

b) Quản lí phương pháp học tập ở trường cũng như ở nhà của học sinh

GV có trách nhiệm hướng dẫn cho học sinh phương pháp học tập khoa học, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lứa tuổi, đặc thù môn học. Đồng thời GV có trách nhiệm quản lý, theo dõi phương pháp học tập của học sinh ở trường cũng như ở nhà; phối hợp với CMHS kịp thời uốn nắn khi học sinh học tập không đúng phương pháp.

c) Hình thành cho học sinh phương pháp tự học, rèn luyện kĩ năng tự học

Bằng các biện pháp linh hoạt, sáng tạo, GV hình thành cho học sinh phương pháp tự học, rèn luyện kĩ năng tự học, bồi dưỡng thói quen, ý chí tự học thông qua việc tổ chức giờ học và hướng dẫn của GV.

Thông qua việc tăng cường tương tác giữa học sinh với học sinh để góp phần hình thành các kỹ năng hoạt động nhóm, phối hợp, kỹ năng giao tiếp, mạnh dạn tự tin, khuyến khích học sinh bày tỏ quan điểm, chính kiến của bản thân.

d) Xây dựng nền nếp, thái độ học tập cho học sinh

Ngay từ đầu năm học, GV chủ nhiệm, GV bộ môn có trách nhiệm xây dựng và duy trì nền nếp học tập nghiêm túc, thái độ học tập tích cực, đúng đắn cho tất cả học sinh trong lớp. Phối hợp với các tổ chức trong Trường kiểm tra việc thực hiện

nền nếp, ý thức thái độ học tập của học sinh; phần đầu 100% học sinh tự giác thực hiện nền nếp và có ý thức, thái độ học tập tốt.

4.2.2. Quản lý thời gian học tập của học sinh

GV chủ nhiệm phối hợp GV bộ môn, Tổng phụ trách Đội thực hiện tốt quản lý thời gian học tập của học sinh, gồm:

- Thời gian dạy- học: tiết học, bài học, chủ đề, giữa kì, học kì, môn học, ... theo thời khóa biểu;

- Tổ chức hoạt động học tập, vui chơi giải trí phù hợp.

Việc quản lý thời gian học tập của học sinh phải đảm bảo yêu cầu khoa học, hợp lý, tránh gây áp lực căng thẳng đối với học sinh.

4.2.3. Đánh giá, phân tích kết quả học tập của học sinh đảm bảo sát thực, đúng chất lượng học tập của từng học sinh

Cuối học kỳ, cuối năm học, GV chủ nhiệm phối hợp GV bộ môn tiến hành đánh giá, phân tích kết quả học tập của học sinh trong lớp đảm bảo yêu cầu thực chất, khách quan, công bằng; cần làm rõ những ưu điểm nổi bật, những hạn chế, tồn tại để tìm biện pháp phù hợp trong thời gian tới để ĐBCL tiến bộ, bền vững.

4.2.4. Nghiên cứu dự trù những phương án dự phòng để giải quyết thỏa đáng nhiệm vụ học tập của từng đối tượng học sinh theo thời gian của tiết học, đồng thời quán triệt quan điểm dạy học theo đối tượng

GV chủ nhiệm phối hợp GV bộ môn chủ động xây dựng các phương án dự phòng để giải quyết thỏa đáng nhiệm vụ học tập theo thời gian của tiết học với từng đối tượng học sinh: học sinh có khó khăn trong học tập, học sinh đại trà, học sinh có năng khiếu, tư chất tốt, thậm chí cả với học sinh khuyết tật (*nếu có*), thực hiện có hiệu quả quan điểm dạy học theo đối tượng, sát đối tượng nhằm ĐBCL cho từng đối tượng học sinh.

4.3. Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

4.3.1. Thực hiện đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá trên cơ sở đánh giá kết quả học tập của học sinh, bao gồm:

- Quản lý đánh giá thể hiện qua xếp loại, duy trì và phát triển chuẩn chất lượng

Qua kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng giáo dục, nhà trường chỉ đạo GV thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc đánh giá thường xuyên nhằm thúc đẩy chất lượng học tập của học sinh; thực hiện đúng cam kết đã ký với Hiệu trưởng nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục được duy trì và có sự phát triển bền vững.

- Kiểm soát và điều chỉnh hoạt động dạy học

Dù đã giao quyền chủ động cho GV trong việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về về chất lượng học sinh nhưng qua kết quả học tập của học sinh, Hiệu trưởng tăng cường kiểm soát và điều chỉnh hoạt động dạy học của trường, của từng khối lớp, từng GV để thực hiện mục tiêu ĐBCL bền vững và có sự tăng trưởng.

- Giáo dục và phát triển người học (*lấy động viên làm phát triển động cơ học tập, khuyến khích tự học, ...*)

Từ việc đánh giá kết quả học tập của học sinh, GV chủ nhiệm phối hợp GV bộ môn, Đoàn trường đề có các biện pháp tác động đồng bộ, thống nhất, nhằm giáo dục và phát triển học sinh, chú trọng động viên, khuyến khích các em trau dồi động cơ, thái độ học tập đúng đắn, tăng cường phát triển năng lực tự học, góp phần ĐBCL bền vững, tiến bộ không ngừng.

4.3.2. Công tác kiểm tra đánh giá cần được đổi mới một cách cơ bản, đảm bảo tính khách quan, khoa học, tính quá trình và phù hợp chuẩn

Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học sinh học tập của học sinh cần được đổi mới mạnh mẽ, triệt để, loại bỏ suy nghĩ, thói quen đánh giá học sinh theo lối cũ. Việc kiểm tra, đánh giá cần thực hiện bài bản, đảm bảo tính khách quan, khoa học, tuân thủ đúng quy trình, phù hợp chuẩn; khắc phục có hiệu quả những biểu hiện chủ quan, duy ý chí, thiếu khách quan, trung thực, vì lợi ích cá nhân, vv trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

4.3.3. Thực hiện đánh giá quá trình, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh thường xuyên, liên tục, diễn ra trong tiết học, trong từng hoạt động của tiết học để nhằm theo dõi việc nắm bắt kiến thức của học sinh so với yêu cầu đặt ra; đánh giá thông qua các sản phẩm học tập, các dự án học tập, các hoạt động vận dụng kiến thức của học sinh, vv.

V. ĐẢM BẢO YẾU TỐ ĐẦU RA

5.1. Thực hiện đánh giá, xếp loại GV theo quy định

5.1.1. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá GV theo Chuẩn nghề nghiệp

Trường tổ chức đánh giá, xếp loại GV theo Chuẩn nghề nghiệp bảo đảm nghiêm túc, công bằng, khách quan, đúng quy định. Trường tổ chức để GV tự đánh giá theo chu kỳ một năm một lần vào cuối năm học. Hiệu trưởng tổ chức đánh giá GV theo chu kỳ hai năm một lần vào cuối năm học. Trong trường hợp đặc biệt, được sự đồng ý của Sở GD&ĐT, nhà trường rút ngắn chu kỳ đánh giá giáo viên.

Việc đánh giá, xếp loại GV theo Chuẩn nghề nghiệp thực hiện theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT. Hồ sơ đánh giá, xếp loại GV đúng quy định, lưu giữ đầy đủ.

5.1.2. Đánh giá chất lượng giờ dạy của GV thông qua kết quả đánh giá giờ dạy

Chỉ đạo tổ chuyên môn đánh giá giờ dạy của GV bảo đảm chính xác, khách quan, công bằng. Chú ý cả đối tượng GV trẻ, GV cao tuổi, GV cốt cán, GV còn hạn chế năng lực để giúp GV học hỏi lẫn nhau, phát huy ưu điểm, mặt mạnh, khắc phục hạn chế, tồn tại trong dạy học; đổi mới PPDH, nâng cao năng lực, hiệu quả dạy học.

5.1.3. Tổ chức thao giảng, hội giảng, thi GVĐG trong nhà trường để bồi dưỡng, nâng cao năng lực, nghiệp vụ sư phạm cho GV

Nhà trường tổ chức hội giảng để tạo phong trào thi đua trong giảng dạy của GV; tổ chức hội thi GVĐG cấp trường để phát hiện nhân tố điển hình, bồi dưỡng dự thi GVĐG cấp huyện, cấp tỉnh; góp phần nâng cao năng lực dạy học của GV.

5.1.4. Kiểm tra, giám sát thường xuyên, đột xuất việc thực hiện quy chế chuyên môn, kiểm tra toàn diện hồ sơ sổ sách của GV

Chủ động, linh hoạt phối hợp các lực lượng (*Tổ CM, Ban Thanh tra nhân dân, Lãnh đạo Trường, ..*) tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ, sổ sách của GV, kể cả hồ sơ điện tử ,.. góp phần xây dựng nền nếp làm việc nghiêm túc, có chất lượng, hiệu quả của đội ngũ GV.

5.1.5. Đánh giá tiết học trên lớp (*theo Phiếu đánh giá tiết học - Phiếu dự giờ*), qua các lĩnh vực: kiến thức, kỹ năng sư phạm, thái độ sư phạm, hiệu quả tiết học

Chỉ đạo tổ CM thực hiện đánh giá tiết học trên lớp theo 4 tiêu chí nói trên, giúp GV thấy được mặt mạnh, ưu điểm, mặt tồn tại, hạn chế của bản thân, chỉ ra hạn chế trong việc học tập của học sinh để GV có sự điều chỉnh kịp thời, phù hợp

5.1.6. Đánh giá năng lực của GV thông qua kết quả học tập tiến bộ của học sinh so với kì trước, năm học trước

Nhà trường tổ chức phân tích, đối sánh kết quả học tập của học sinh ở từng môn học so với học kỳ trước, năm học trước để thấy được sự chuyển biến, tiến bộ về kết quả học tập của học sinh, từ đó làm cơ sở đánh giá năng lực và cố gắng của GV trong dạy học.

5.2. Đánh giá chất lượng học tập, rèn luyện của học sinh

Tổ chức đánh giá kết quả học tập của học sinh toàn trường theo từng kì và đối sánh với kết quả kì trước đảm bảo thực chất, chính xác thông qua các đề thi trong ma trận đề thi các môn, các khối quy định (*Phụ lục 12*).

5.2.1. Đánh giá sự hình thành và phát triển của học sinh (*gồm 5 phẩm chất và 10 năng lực*); mức độ học sinh đáp ứng yêu cầu đầu vào của lớp trên và cấp học THPT

Tổ chức đánh giá học sinh theo từng môn học và các hoạt động giáo dục. Đánh giá cụ thể học sinh về 5 phẩm chất (*yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*) và 10 năng lực gồm 3 năng lực chung (*năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*); 7 năng lực chuyên môn (*ngôn ngữ, tính toán, tìm hiểu tự nhiên và xã hội, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất*).

Trên cơ sở đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh, cần phân tích khả năng đáp ứng của học sinh sau khi tốt nghiệp THPT vào học đại học, cao đẳng, vv. Từ đó chỉ đạo Tổ CM có những điều chỉnh cần thiết, kịp thời trong dạy học nhằm giúp học sinh vững vàng, tự tin vào học các cơ sở đào tạo.

5.2.2. Đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh

Trên cơ sở đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ để đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh theo một trong bốn mức: Tốt, Khá, Đạt, chưa đạt

5.2.3. Tỷ lệ học sinh được lên lớp, đánh giá lại trong kỳ nghỉ hè, không được lên lớp:

Phân đầu hàng năm tỷ lệ học sinh lên lớp sau thi lại và rèn luyện hè đạt từ 99% trở lên.

5.2.4. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT

Chỉ tiêu học sinh tốt nghiệp THPT hàng năm là trên 95%

5.2.5. Kết quả học sinh tham gia các hội thi, các sân chơi trí tuệ,... các cấp trường, tỉnh, quốc gia và quốc tế:

Tham gia đầy đủ các hội thi, sân chơi trí tuệ do Sở GD-ĐT Nghệ AN tổ chức và phối hợp tổ chức.

5.2.6. Kết quả điểm kiểm tra định kỳ cuối năm và trung bình chung các môn:

Xếp vào top 30 các trường THPT trong toàn tỉnh, đứng từ thứ 1-3 trong huyện.

5.3. Đảm bảo lợi ích của xã hội

Lợi ích của xã hội được đánh giá thể hiện qua các nội dung sau:

5.3.1. Khảo sát mức độ hài lòng của CMHS về quá trình dạy học, giáo dục của nhà trường

Trong các kì họp CMHS toàn trường, nhà trường thực hiện dùng phiếu khảo sát mức độ hài lòng của CMHS về quá trình dạy học, giáo dục của GV chủ nhiệm và các GV bộ môn theo ba mức: chưa hài lòng; hài lòng; hài lòng cao. Đây là kênh thông tin tham khảo quan trọng để nhà trường có biện pháp phát huy mặt tốt cũng như hạn chế mặt yếu, điều chỉnh, cải tiến kịp thời trong thời gian tới.

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của CMHS chỉ có tính chất tham khảo, không lấy kết quả này để xếp loại GV. (*Phụ lục 13*)

5.3.2. Khảo sát mức độ hài lòng của GV tiếp nhận học sinh tiếp tục học lên ở lớp sau

Vào đầu năm học, Trường thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của GV chủ nhiệm và các GV bộ môn về chất lượng học sinh của lớp theo ba mức độ: chưa hài lòng; hài lòng; hài lòng cao; hướng tới văn hóa chất lượng nhà trường và cũng là kênh tham khảo để đánh giá chất lượng dạy học của GV năm học trước (*Phụ lục 14*).

Việc khảo sát mức độ hài lòng của GV về chất lượng của học sinh (*khảo sát GV khối 11 về chất lượng học sinh khối 10, GV khối 12 đối với học sinh khối 11*) chỉ có tính chất tham khảo để Trường có sự chỉ đạo, điều chỉnh phù hợp đối với hoạt động dạy học, giáo dục của GV; kết quả khảo sát không thay thế việc đánh giá, xếp loại học sinh đã thực hiện ở năm học trước.

5.3.3. Nhà trường chỉ đạo GV chú trọng trong các tiết học vận dụng kiến thức vào cuộc sống, các hoạt động trải nghiệm, trải nghiệm sáng tạo, hoạt động hướng nghiệp, lớp bồi dưỡng kĩ năng mềm,... để học sinh sớm hình thành các năng lực: giao tiếp và hợp tác; tự học và tự chủ; giải quyết vấn đề và sáng tạo,... để đáp ứng yêu cầu công việc.

Ngoài các tiết học, Trường chú trọng phối hợp CMHS, các chuyên gia, người có uy tín, vv tổ chức các hoạt động chuyên đề, ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm,... để qua đó hình thành các năng lực chung cho học sinh.

Tổ chức khảo sát mức độ hình thành các năng lực nói trên theo từng khối lớp; có bảng kết quả cụ thể.

5.4. Tư vấn hướng nghiệp và hỗ trợ cho học sinh

5.4.1. Nhà trường tư vấn cho học sinh thi tuyển và xét tuyển vào trường ĐH, CĐ phù hợp với năng lực và điều kiện cụ thể của từng em thông qua: hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt lớp, chào cờ đầu tuần,...

Thực hiện nhiệm vụ hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THPT, nhà trường tư vấn cho học sinh lớp 12 thi tuyển và xét tuyển vào trường ĐH, CĐ. Riêng đối với học sinh có năng lực, kết quả học tập tốt, nhà trường tư vấn cho các em dự tuyển vào các trường ĐH trọng điểm, chất lượng cao để có môi trường học tập phù hợp, giúp các em phát huy tốt năng lực, sở trường cá nhân. Những em có năng khiếu nổi trội (*âm nhạc, múa, TDTT...*), Trường tư vấn, tạo điều kiện cho các em vào học trường năng khiếu (*Trường Múa, Trường Âm nhạc, Trường TDTT, vv*).

5.4.2. Nhà trường tuyên truyền, thông báo tới học sinh về thông tin tuyển sinh của các trường ĐH, CĐ... thông qua: chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp, phát tờ rơi thông tin tuyển sinh,...

Nhà trường cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra của trường ĐH, CĐ để học sinh cân nhắc, lựa chọn; có định hướng phân đầu để thực hiện mục tiêu đã lựa chọn.

5.4.3. Nhà trường phối hợp với Tổ tư vấn tuyển sinh của trường ĐH, CĐ tổ chức các chương trình tư vấn cho học sinh bằng nhiều hình thức phong phú, hấp dẫn như: ngày hội tư vấn tuyển sinh, cảm nang tư vấn tuyển sinh,..vv.

Hoạt động tư vấn hướng nghiệp và hỗ trợ học sinh nên tổ chức trong cả năm học (*để học sinh có thông tin, có định hướng*) nhưng cần tập trung vào tháng 4, tháng 5 để giúp học sinh có lựa chọn cụ thể.

5.5. Thu thập thông tin phản hồi từ các trường ĐH, CĐ, ... về học sinh sau khi tốt nghiệp THPT vào học tại các trường

5.5.1. Nhà trường thống kê số lượng học sinh sau khi tốt nghiệp THPT vào học các trường ĐH, CĐ, trường năng khiếu

Trường tổ chức thống kê, tổng hợp số lượng học sinh trung tuyển vào học các trường ĐH, CĐ, trường năng khiếu, thông qua việc điều tra phổ cập tận hộ gia đình, qua GV chủ nhiệm, qua các kênh thông tin khác, vv.

5.5.2. Tổ chức thu thập thông tin về chất lượng học sinh sau khi vào học các trường ĐH, CĐ, ... trường năng khiếu

Trường chủ động phối hợp với các trường ĐH, CĐ, có học sinh trường mình vào học để thu thập thông tin về chất lượng học sinh để có cơ sở điều chỉnh kế hoạch, biện pháp chỉ đạo các hoạt động chung của nhà trường cũng như hoạt động dạy học cho những năm tiếp theo.

Việc nắm thông tin có thể qua các hình thức: phỏng vấn trực tiếp, lấy ý kiến đánh giá qua phiếu,..vv đối với cán bộ quản lý, GV bộ môn, Đoàn trường các trường ĐH, CĐ về phẩm chất, năng lực, những điểm mạnh nổi bật, những tồn tại, hạn chế, vv. Cần phân tích khả năng đáp ứng của học sinh sau khi vào học ĐH, CĐ

ở một số môn học cụ thể (*các môn khoa học tự nhiên, các môn khoa học xã hội, nhân văn, các môn Tiếng Anh, môn Tin học...*).

Việc thu thập thông tin phản hồi từ các trường ĐH, CĐ nên cố gắng hoàn thành trong tháng 9, tháng 10 hàng năm để Trường kịp điều chỉnh kế hoạch, biện pháp chỉ đạo.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí phục vụ nhiệm vụ ĐBCL cần được xây dựng, dự toán cụ thể để thực hiện hiệu quả Kế hoạch ĐBCL trong năm học của Trường, bao gồm:

6.1. Kinh phí phục vụ các nhiệm vụ Kế hoạch ĐBCL của trường, được hiểu là tổng kinh phí chi cho tất cả các hoạt động của nhà trường trong năm học:

- Kinh phí chi cho con người (*lương, các khoản phụ cấp,...*);
- Kinh phí bổ sung, sửa chữa, mua sắm CSVC, trang thiết bị phục vụ các hoạt động của nhà trường;
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng,.. cho CBQL, GV, NV;
- Kinh phí phục vụ các hoạt động chuyên môn dạy và học, hoạt động giáo dục;
- Kinh phí hành chính của nhà trường;
- Kinh phí thi đua, khen thưởng;
- Kinh phí dự phòng khác.

6.2. Kinh phí hỗ trợ hoạt động của Tổ ĐBCL

Tổ ĐBCL lập dự toán kinh phí trình Hiệu trưởng phê duyệt để thực hiện hiệu quả kế hoạch ĐBCL nhà trường (*Phụ lục 15*).

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

Chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các bộ phận, thành viên trong trường, quản trị các hoạt động, đảm bảo các điều kiện để thực hiện thành công kế hoạch ĐBCL năm học, thực hiện đúng cam kết ĐBCL với Giám đốc GD&ĐT.

2. Phó Hiệu trưởng

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, công việc được Hiệu trưởng phân công, góp phần thực hiện thành công Kế hoạch ĐBCL năm học của Trường.

3. Tổ chuyên môn

Tổ chức, hướng dẫn các thành viên thực hiện tốt các nhiệm vụ ĐBCL được giao của Tổ, thực hiện tốt các mục tiêu ĐBCL của nhà trường, hỗ trợ GV thực hiện đúng cam kết ĐBCL đã ký với Hiệu trưởng.

4. Bí thư Đoàn trường

Tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ ĐBCL thuộc trách nhiệm của Đoàn trường, góp phần thực hiện thành công Kế hoạch ĐBCL nhà trường.

5. Giáo viên

Chủ động, sáng tạo thực hiện nhiệm vụ ĐBCL của môn, lớp phụ trách; thực hiện đúng cam kết ĐBCL đã ký với Hiệu trưởng.

6. Nhân viên

Hoàn thành nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch ĐBCL năm học của Trường; đảm bảo các điều kiện để thực hiện hiệu quả các mục tiêu ĐBCL.

7. Các thành viên Tổ đảm bảo chất lượng

Thực hiện tốt các nhiệm vụ được Tổ trưởng phân công, phối hợp chặt chẽ với các thành viên khác trong tổ và các tổ chức, cá nhân trong trường để thực hiện hiệu quả Kế hoạch ĐBCL năm học của Trường.

Phân công thành viên nào về nhiệm vụ giám sát theo dõi việc thực hiện Kế hoạch ĐBCL. Phân công thành viên nào về nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng các biện pháp, giải pháp điều chỉnh quản lý quá trình để nhằm thực hiện kế hoạch ĐBCL, bảo đảm yêu cầu Chuẩn đầu ra.

Yên Thành, ngày 14 tháng 10 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN BÁ THỦY

PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT NGHỆ AN

.....

